

Số: /BC7N-TTBVTV

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 10 tháng 10 đến ngày 16 tháng 10 năm 2022)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết:

Nhiệt độ trung bình: 30⁰C Cao nhất: 33⁰C Thấp nhất: 28⁰C

Độ ẩm trung bình:..... Cao nhất:..... Thấp nhất:.....

Lượng mưa tổng số:.....

Số giờ nắng tổng số: 07 giờ (09h-15h)

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng:

a. Cây lúa:

Vụ	Diện tích KH (ha)	Trà	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
Mùa 2022	12.547,5	Sớm	Làm đòng	413
		Chính vụ	Mạ-ĐN	10.436,4
Tổng				10.849,4

b. Cây trồng khác:

Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích Kế hoạch (ha)	Diện tích gieo trồng (ha)
- Ngô (bắp)	Cây con-PTTL	4.214,1	4.051,6
- Khoai các loại	Cây con-PTTL	70,8	76,2
- Bobo	Cây con-PTTL	250	250
- Mì (trồng mới trong vụ)	Cây con	198,5	48,7
- Đậu phộng	Cây con-PTTL	310	325,4
- Mè	Cây con-PTTL	83	89
- Cây rau các loại	Cây con-PTTL	2.700,2	2.531,7
- Cây đậu các loại	Cây con-PTTL	1.430,4	1.258,6
- Cây ăn quả:			
+ Nho	Lá - trái, chín - TH	1.124,6	
+ Táo	Cắt cành-mang trái-TH	1.010,3	
- Cây hàng năm khác: (cây gia vị, dược liệu, cỏ chăn nuôi,...)	Nhiều GD	1.551,8	1.794,7

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG TUẦN

1. Cây Lúa: Bệnh đạo ôn gây hại trên diện tích 07 ha (tỷ lệ 5-7%), giai đoạn đẻ nhánh - làm đòng, phân bố tại huyện Ninh Sơn, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

2. Cây Bắp: Chuột gây hại trên diện tích 02 ha (tỷ lệ 5% cây) giai đoạn 3-6 lá, phân bố tại huyện Bác Ái.

3. Cây Nho:

- Bọ trĩ gây hại trên diện tích 06 ha (tỷ lệ 3-5%), phân bố tại huyện Ninh Hải.

- Bệnh mốc sương gây hại trên diện tích 10 ha (tỷ lệ 5-10%), phân bố tại huyện Ninh Sơn, Ninh Hải, Ninh Phước.

- Bệnh thán thư gây hại trên diện tích 10 ha (tỷ lệ 5-10%), phân bố tại huyện Ninh Hải, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

4. Cây Táo: Bệnh thối trái gây hại trên diện tích 08 ha (tỷ lệ 5-10%), phân bố tại huyện Ninh Phước, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

5. Rau - đậu các loại: Bệnh vàng lá/quê gây hại 02 ha (tỷ lệ 5-7%); Thối nhũn/nha đam gây hại 02 ha (tỷ lệ 3-5%); Dòi đục lá/hành, tỏi gây hại 02 ha (tỷ lệ 10-20%) phân bố tại huyện Thuận Bắc, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

Nhìn chung, trong tuần sinh vật gây hại phát sinh, gây hại ở mức độ nhẹ, nông dân đã chủ động phòng trừ theo hướng dẫn của cán bộ bảo vệ thực vật địa phương.

III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

- **Cây Lúa:** Lưu ý đối tượng chuột, bọ trĩ, sâu cuốn lá nhỏ, bệnh đạo ôn,... gây hại giai đoạn mạ - làm đòng.

- **Cây Bắp:** Tiếp tục theo dõi chuột, sâu keo mùa thu gây hại.

- **Cây Táo:** Lưu ý đối tượng sâu đục trái, ruồi đục trái phát sinh gây hại ở giai đoạn mang trái - thu hoạch.

- **Cây Nho:** Bọ trĩ, bệnh mốc sương và thán thư tiếp tục gây hại giai đoạn cắt cành đến mang trái.

- **Cây Sắn:** Tiếp tục theo dõi bệnh Khảm lá virus.

- **Cây Rau, đậu các loại:** Tiếp tục theo dõi SVGH gây hại.

IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ HOẶC CÁC CHỦ TRƯỞNG CẦN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN Ở ĐỊA PHƯƠNG

- Thực hiện tốt công tác gieo trồng theo văn bản số 2872/SNNPTNT-TTBVTV, ngày 11/8/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Ninh Thuận về việc “Cơ cấu giống và thời vụ gieo trồng vụ Mùa 2022”.

- Thực hiện công văn số 413/TTBVTV-BVTV ngày 22/8/2022 về việc “*Hướng dẫn thực hiện công tác Bảo vệ thực vật vụ Mùa 2022*”.

- Thực hiện công văn số 500/TTBVTV-BVTV ngày 17/10/2022 về việc “*Hướng dẫn phòng trừ Ốc sên phát sinh gây hại trên cây trồng*”.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV miền Trung (b/c);
- Sở NN&PTNT (b/c);
- Lãnh đạo Chi cục (b/c);
- Phòng KT, NN&PTNT các huyện/tp (p/h);
- Các Trạm Trồng trọt và BVTV (t/h);
- Lưu HC, P.BVTV.

CHI CỤC TRƯỞNG

Phạm Dũng

Phụ lục:

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG SINH VẬT GÂY HẠI

(Từ ngày 10/10/2022 đến ngày 16/10/2022)

S T T	Tên sinh vật gây hại	GDST của cây trồng	Mật độ, tỷ lệ (con/m ² , %)		Diện tích nhiễm (ha)					Diện tích phòng trừ (ha)	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Tổng số	Nhẹ	TB	Nặng	Thiệt hại >70% NS		
I	Cây Lúa				07	07	0	0		07	
1	Đạo ôn	ĐN-Làm đồng	5-7%		07	07	0	0		07	NS, PR
II	Cây Bắp				02	02	0	0		02	
1	Chuột	3-6 lá	5% cây		02	02	0	0		02	BA
III	Cây Nho				26	26	0	0		26	
1	Bọ trĩ	Lá, trái	3-5%		06	06	0	0		06	NH
2	Mốc sương	Lá, trái	5-10%		10	10	0	0		10	NS,NH, NP
3	Thán thư	Lá, trái	5-10%		10	10	0	0		10	NH, PR
IV	Cây Táo				08	08	0	0		08	
1	Bệnh thối trái	Trái	5-10%		08	08	0	0		08	PR,NP
V	Rau, đậu các loại				06	06	0	0		06	
1	Vàng lá/quế	Nhiều GD	5-7%		02	02	0	0		02	PR
2	Thối nhũn/nha đam	KD	3-5%		02	02	0	0		02	PR
3	Dòi đục lá/hành tỏi	PTTL	10-20%		02	02	0	0		02	TB

Ghi chú: NS, PR, NH, BA, NP: Ninh Sơn, Phan Rang - Tháp Chàm, Ninh Hải, Bác Ái, Ninh Phước